

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/2025/QĐST-DS

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

a

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 229/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023.

Căn cứ vào văn bản đồng ý ngày 13 tháng 8 năm 2025 của bị đơn bà Cao Thị Hồng B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ về việc thống nhất kết quả hoà giải thành.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Vũ D, chức vụ: giám đốc Ngân hàng N1 – chi nhánh T4, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Vũ D uỷ quyền cho ông Trần Thanh T, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N1 – chi nhánh T4.

- Bị đơn: Bà Cao Thị Hồng B, sinh năm: 1979 và ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1969; cùng trú tại: Thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm: 1938, bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1940; cùng địa chỉ: Thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Cháu Nguyễn Thị Huyền T3, sinh ngày: 07/02/2009. Người đại diện hợp pháp cho cháu T3 là ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B (cha mẹ của cháu T3); địa chỉ: Thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B công nhận nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng N1 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/8/2025 là: 4.737.252.970 đồng. Trong đó: nợ gốc: 2.520.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.732.907.764 đồng, nợ lãi quá hạn: 484.345.206 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4501-201702049 ngày 20/04/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4501-LAV-201802130 ngày 20/04/2018 cho đến khi bà Cao Thị Hồng B và ông Nguyễn Thanh T1 thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đã nêu trên.

2.2. Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ gồm:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 258, tờ bản đồ số 02 tại thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 141/17-HĐTC ngày 18/04/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 141/17-PLHĐTC/01 ngày 26/4/2022.

+ Tài sản 2: Tàu Cá số đăng ký QNg-97056-TS và QNg-92614-TS do ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên trong giấy đăng ký tàu cá theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 142/17-HĐTC ngày 18/04/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 142/17-PLHĐTC/01 ngày 26/4/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 143/17-HĐTC ngày 18/4/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 143/17-PLHĐTC/01 ngày 04/5/2022.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N1 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tấn T2, bà Phạm Thị Đ về việc: Buộc ông Nguyễn Thanh T1 và bà Cao Thị Hồng B phải trả cho ông Nguyễn Tấn T2, bà Phạm Thị Đ giá trị của 210m² đất của thửa đất số 719, tờ bản đồ số 2 xã A, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thửa đất số 258, tờ bản đồ số 02 tại xã A, tỉnh Quảng Ngãi do ông T1, bà B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo giá thị trường là 760.000.000 đồng.

2.4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn T2, bà Phạm Thị Đ, cháu Nguyễn Thị Huyền T3 tự nguyện di dời đến nơi ở khác để giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 258, tờ bản đồ số 02 tại thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

2.5. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

2.5.1. Án phí dân sự hòa giải thành tranh chấp hợp đồng tín dụng: Ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B nộp 56.368.626 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N1 số tiền 56.202.000 đồng đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000737798 ngày 24/10/2023 và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000095 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi).

2.5.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B phải chịu nhưng Ngân hàng N1 đã tạm ứng và chi phí xong nên ông Nguyễn Thanh T1, bà Cao Thị Hồng B phải hoàn trả cho N Nông nghiệp và N1 số tiền 2.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Loan